Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 80

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VÂN SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Tỉnh lộ 440	Giáp xã Mường Bi (xóm Khao, Quyết Chiến cũ)	Trạm bảo tồn Ngọc Sơn - Ngổ Luông (xóm Biện, Quyết Chiến cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
2		Trạm bảo tồn Ngọc Sơn - Ngổ Luông (xóm Biện, Quyết Chiến cũ)	Ngã ba cửa hàng xăng dầu Tuấn Khánh (xóm Biện, Quyết Chiến cũ)	240	220	200	200	190	180	190	180	170
3		Ngã ba cửa hàng xăng dầu Tuấn Khánh (xóm Biệng, Quyết Chiến cũ)	Đất ông Quỳnh (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	220	200	180	170	160	150	150	140	130
4		Đất ông Quýnh (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	Ngã ba công an xã Vân Sơn (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	300	220	190	270	210	190	250	180	120
5	Đường Tỉnh lộ 436B	Ngã ba cửa hàng xăng dầu Tuấn Khánh (xóm Biệng, Quyết Chiến cũ).	Ngã ba đi Thác Thung (xóm Bắc Thung, Quyết Chiến cũ)	220	200	180	170	160	150	150	140	130
6		Ngã ba đi Thác Thung (xóm Bắc Thung, Quyết Chiến cũ)	Trường TH & THCS Ngổ Luông (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
7		Trường TH & THCS Ngổ Luông (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	Đất ông Phức (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
8		Đất ông Phức (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	Đất ông Phúc (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
9		Đất ông Phúc (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	Đất ông Tiến (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	220	200	180	170	160	150	150	140	130
10		Đất ông Tiến (xóm Luông Dưới, Ngổ Luông cũ)	Đất tiếp giáp xã Ngọc Sơn (xóm Trằm, Ngổ Luông cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
11	Tuyến đường ĐH56	Ngã ba công an xã Vân Sơn (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	Đất ông Thông (xóm Lở, Lũng Vân cũ)	300	220	190	270	210	190	250	180	120
12		Đất ông Thông (xóm Lở, Lũng Vân cũ)	Đất ông Bừng (xóm Mý, Bắc Sơn cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
13		Đất ông Bừng (xóm Mý, Bắc Sơn cũ)	Đất ông Ngọc (xóm Hò, Bắc Sơn cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
14	Tuyến đường ĐH56	Đất ông Ngọc (xóm Hò, Bắc Sơn cũ)	Trường mầm non Bắc Sơn (xóm Hò, Bắc Sơn cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
15		Trường mầm non Bắc Sơn (xóm Hò, Bắc Sơn cũ)	Tiếp giáp với xã Mai Châu (xóm Hày Dưới, Bắc Sơn cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
16	Tuyến đường ĐH56B	Ngã ba công an xã Vân Sơn (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	Đến trường mầm non Nam Sơn (xóm Dồ, Nam Sơn cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
17		Trường mầm non Nam Sơn (xóm Dồ, Nam Sơn cũ)	Đất ông Thiệp (xóm Tớn Trong, Nam Sơn cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
18	Tuyến đường từ TL440 đi xóm Cá	Ngã ba tiếp giáp đường tỉnh 440	Đất ông Thiên (xóm Biệng, Quyết Chiến cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
19		Thửa đất ông Thiên (xóm Biệng, Quyết Chiến cũ)	Thửa đất ông Biểu (xóm Cá, Quyết Chiến cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
20	Tuyến đường từ TL436B đi Thung	Ngã ba tiếp giáp đường tỉnh 436B	Thửa đất ông Tình và đi đến Thác Thung và đi khu Bãi Pặng (xóm Bắc Thung, Quyết Chiến cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110
21	Tuyến đường từ TL440 đi xóm Lự	Ngã ba tiếp giáp đường tỉnh 440 đất ông Thắng	Đất ông Biền (xóm Lự, Lũng Vân cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
22	Tuyến đường TL440 đi xóm Hượp	Ngã ba công an xã Vân Sơn (xóm Bò, Lũng Vân cũ)	Đất ông Niêu (xóm Hượp, Lũng Vân cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
23	Tuyến đường từ ĐH56 đi xóm Bục	Ngã ba đất ông Ngân (xóm Lở, Lũng Vân cũ)	Các thửa đất hai bên đường nội xóm Bục và đến đất nhà ông Chứi (xóm Bục, Lũng Vân cũ)	210	190	170	160	150	140	140	130	120
24	Tuyến đường từ ĐH56 đi xóm Hày Trên	Ngã ba trạm y tế Bắc Sơn cũ	Thửa đất ông Nảnh (xóm Hày Trên, Bắc Sơn cũ)	200	180	160	150	140	130	130	120	110

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
25	Tuyến đường từ ĐH56 đi xóm Hày Dưới	Tiếp giáp đường huyện 56	Các thửa đất hai bên đường nội xóm Hày Dưới và đến thửa đất ông Đạo (xóm Hày Trên, Bắc Sơn cũ)	210			160			140		
26	Tuyến đường từ ĐH56B đi xóm Chiến	Ngã ba tiếp giáp đường huyện 56B	Các thửa đất hai bên đường nội xóm Chiến đến và đến đất nhà văn hóa xóm Chiến, Nam Sơn cũ	230			190			170		
27	Tuyến đường từ ĐH56B đi xóm Xôm	Ngã ba tiếp giáp đường huyện 56B	Đất ông Quê (xóm Xôm, Nam Sơn cũ)	210			160			140		
28	Tuyến đường từ ĐH56B đi xóm Dồ và Bương Bái	Ngã ba tiếp giáp đường huyện 56B trường TH &THCS Nam Sơn	Đất nhà văn hóa xã (xóm Dồ, Nam Sơn cũ)	250			210			180		
29		Đất nhà văn hóa xã	Đến đất ông Việt và đến thửa đất số xóm Dồ, Nam Sơn cũ	220			180			160		
30		Thửa đất xóm Dồ, Nam Sơn cũ	Đất ông Tứa (xóm Bương Bái, Nam Sơn cũ)	210			160			140		
31	Tuyến đường từ ĐH56B đi xóm Tớn Trong	Tiếp giáp đường huyện 56B đất nhà ông Thiệp	Đất ông Chừn (xóm Tớn Trong, Nam Sơn cũ)	210			160			140		
32	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			200			150			130		